

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
QUÍ IV – NĂM 2017**

## MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. Thông tin chung	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
3. Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 4
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	5 - 6
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	7 - 8
6. Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 31



**THÔNG TIN CHUNG**

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (“Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3700530696 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“KH & ĐT”) tỉnh Bình Dương cấp ngày 18 tháng 8 năm 2003, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty, với mã chứng khoán là TTF, được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 01 tháng 02 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại đường ĐT 747, khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Tuyết Hằng	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Ông Hồ Anh Dũng	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Bà Dương Trịnh Thụy Như	Thành viên	từ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Ông Mai Hữu Tín	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
	Phó chủ tịch	bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2017
Bà Phạm Thị Huyền Nga	Thành viên	từ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2017
	Phó chủ tịch	từ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2017
Bà Phùng Thị Mỹ Lệ	Thành viên	từ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2017
Bà Ngô Phương Hạnh	Thành viên	từ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2017
Ông Vũ Xuân Dương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2017
Ông Vũ Tuấn Hoàng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2017
Ông Hoàng Hà Thế Quang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2017

**BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Trung	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	từ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Ông Hoàng Anh Tú	Thành viên	từ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2017

**BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Mai Hữu Tín	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017
Bà Vũ Tuyết Hằng	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017
Bà Dương Trịnh Thụy Như	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thiện Tâm	Giám đốc Tài chính	từ nhiệm ngày 09 tháng 7 năm 2017
Lê Văn Minh	Giám đốc tài chính	bổ nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2017

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Mai Hữu Tín	bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017
Bà Vũ Tuyết Hằng	từ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty hân hạnh trình bày Báo cáo tài chính riêng Quý IV năm 2017 của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc của Công ty cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác. Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

**CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng Quý IV năm 2017 kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Giám đốc



Mai Hữu Tín  
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 29 tháng 01 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH – QUÍ IV NĂM 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2,548,936,122,570</b>	<b>2,423,246,552,958</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>IV.01</b>	<b>42,271,668,417</b>	<b>103,850,722,369</b>
1. Tiền	111		42,271,668,417	103,850,722,369
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>109,801,189,482</b>	<b>752,831,791</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	IV.02	109,801,189,482	752,831,791
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1,363,224,582,760</b>	<b>1,107,767,528,545</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	IV.03	693,535,817,337	769,779,410,870
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	IV.03	96,572,953,858	75,722,684,363
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134	IV.05	228,607,369,225	-
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	IV.06	310,165,707,488	257,688,912,951
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	IV.07	149,476,181,167	125,228,531,326
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	IV.3,4,7	(115,133,446,315)	(120,652,010,965)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>IV.08</b>	<b>1,000,699,886,271</b>	<b>1,152,072,697,206</b>
1. Hàng tồn kho	141		1,066,800,302,345	1,228,659,581,047
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(66,100,416,074)	(76,586,883,841)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>32,938,795,640</b>	<b>58,802,773,047</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV.12	3,841,903,609	3,727,826,238
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	IV.15	25,765,279,126	52,605,169,094
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	IV.15	3,331,612,905	2,469,777,715
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>809,682,922,796</b>	<b>849,608,147,069</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>38,347,438,240</b>	<b>35,401,679,296</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	IV.03	-	669,883,784
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	IV.06	37,472,934,000	34,491,840,000
3. Phải thu dài hạn khác	216	IV.07	874,504,240	909,839,296
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	(669,883,784)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>363,078,351,863</b>	<b>377,301,525,553</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV.09	359,958,840,997	373,992,835,313
- Nguyên giá	222		545,880,582,340	531,615,599,230
- Giá trị khấu hao lũy kế (*)	223		(185,921,741,343)	(157,622,763,917)
2. Tài sản cố định vô hình	227	IV.10	3,119,510,866	3,308,690,240
- Nguyên giá	228		6,240,203,306	6,115,873,306
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3,120,692,440)	(2,807,183,066)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>IV.11</b>	<b>42,226,215,483</b>	<b>47,095,960,884</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		42,226,215,483	47,095,960,884
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>288,940,414,208</b>	<b>301,958,766,483</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	IV.13.1	228,814,057,443	241,385,487,443
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	IV.13.2	173,135,473,000	173,135,473,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	IV.13.3	279,784,766	279,784,766
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	IV.13	(113,288,901,001)	(112,841,978,726)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>77,090,503,002</b>	<b>87,850,214,853</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV.12	77,090,503,002	87,850,214,853
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3,358,619,045,366</b>	<b>3,272,854,700,027</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH – QUÍ IV NĂM 2017**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
 Ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2,513,041,275,727</b>	<b>3,174,411,155,028</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2,013,041,275,727</b>	<b>3,172,451,742,528</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	IV.14.1	207,214,281,914	228,789,174,125
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	IV.14.2	1,200,478,831,650	179,487,965,150
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	IV.15	22,099,425,332	26,654,318,712
4. Phải trả người lao động	314		30,184,435,859	36,366,018,753
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	IV.16	224,334,162,034	103,759,210,503
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		140,454,550	195,000,005
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	IV.17	51,050,455,471	100,202,119,400
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	IV.18	275,602,779,209	2,494,963,821,850
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1,936,449,709	2,034,114,030
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>500,000,000,000</b>	<b>1,959,412,500</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	IV.18.3	500,000,000,000	-
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	1,959,412,500
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>845,577,769,640</b>	<b>98,443,544,999</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>IV.19</b>	<b>845,577,769,640</b>	<b>98,443,544,999</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2,146,078,400,000	1,446,078,400,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2,146,078,400,000	1,446,078,400,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		63,607,862,467	63,750,862,467
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(552,965,000)	(552,965,000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		16,176,475,297	16,176,475,297
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1,379,732,003,125)	(1,427,009,227,765)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1,427,009,227,765)	(151,422,996,026)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		47,277,224,641	(1,275,586,231,739)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3,358,619,045,366</b>	<b>3,272,854,700,027</b>

DVT: Đồng

Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời Báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Người lập



Huỳnh Thị Mộng Diễm

Kế toán trưởng



Mai Thanh Bình



Mai Hữu Tín

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH – QUÍ IV NĂM 2017**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**  
*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		ĐVT: Đồng
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước (*)	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.01	566,581,583,265	241,793,334,394	1,303,807,880,28	851,844,174,641	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.02	53,359,964	-	276,229,139	347,572,905	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		566,528,223,301	241,793,334,394	1,303,531,558,889	851,496,601,736	
4. Giá vốn hàng bán	11	V.03	454,841,361,806	287,750,437,464	1,047,878,852,349	1,804,698,545,467	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		111,686,861,495	(45,957,103,070)	255,652,706,541	(953,201,943,731)	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.04	9,187,289,531	11,215,569,500	33,957,266,989	51,855,284,023	
7. Chi phí tài chính	22	V.05	(11,758,884,734)	60,991,344,746	140,249,817,371	397,653,157,384	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(5,401,402,056)	56,846,796,239	134,415,851,408	208,857,085,815	
8. Chi phí bán hàng	25	V.06	1,503,796,119	5,102,003,593	8,611,664,337	18,694,041,356	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.06	27,247,322,876	22,934,649,226	77,925,204,835	(27,754,391,987)	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		103,881,916,765	(123,769,531,135)	62,823,286,987	(1,289,939,466,461)	
11. Thu nhập khác	31	V.07	(71,461,592,791)	8,037,575,705	2,769,114,377	29,599,975,524	
12. Chi phí khác	32	V.08	285,639,800	22,026,656,279	17,770,676,722	15,246,740,802	
13. Lợi nhuận khác	40		(71,747,232,591)	(13,989,080,574)	(15,001,562,345)	14,353,234,722	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32,134,684,174	(137,758,611,709)	47,821,724,642	(1,275,586,231,739)	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH - QUÍ IV NĂM 2017

17. Lợi nhuận sau thuế TNDN 60 32,134,684,174 (137,758,611,709) 47,821,724,642 (1,275,586,231,739)

*Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời Báo cáo tài chính.*

Người lập



Huỳnh Thị Mộng Diễm

Kế toán trưởng



Mai Thanh Bình





CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH – QUÍ IV NĂM 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - (Phương pháp gián tiếp)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

DVT: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>47,821,724,642</b>	<b>(1,275,586,231,739)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		28,612,486,800	11,563,364,339
- Các khoản dự phòng	03		(16,227,993,926)	8,731,024,518
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		10,105,635	(12,935,192,844)
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1,257,143,000	40,746,044,058
- Chi phí lãi vay	06		134,415,851,408	208,857,085,815
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>195,889,317,559</b>	<b>(1,018,623,905,853)</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(246,479,024,102)	254,330,110,656
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		161,859,278,702	365,541,934,423
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả	11		(130,256,797,625)	(241,381,220,909)
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12		10,645,634,480	3,062,313,268
- Tiền lãi vay đã trả	14		(35,400,484,123)	(172,372,690,389)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(398,571,758)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(556,175,280)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(43,742,075,109)</b>	<b>(810,398,205,842)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(13,404,979,535)	(68,238,203,736)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		533,636,364	1,179,084,119
3. Tiền chi cho vay và gửi ngân hàng kỳ hạn	23		(115,936,520,688)	(137,431,280,415)
4. Tiền thu hồi cho vay, tiền gửi ngân hàng kỳ hạn	24		26,000,000,000	189,285,314,260
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		11,314,287,000	523,132,669
7. Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức nhận được	27		653,819,826	23,211,507,042
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(90,839,757,033)</b>	<b>8,529,553,939</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		700,000,000,000	5,208,401,000
2. Tiền thu từ đi vay	33		462,000,000,000	1,596,593,643,940
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1,088,930,537,137)	(700,647,352,288)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>73,069,462,863</b>	<b>901,154,692,652</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH – QUÍ IV NĂM 2017

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(61,145,187,898)	99,286,040,749
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	103,850,722,369	4,615,301,999
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(66,684,673)	(50,620,379)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	42,271,668,417	103,850,722,369

Người lập

Huỳnh Thị Mộng Diễm

Kế toán trưởng

Mai Thanh Bình

Bình Dương, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Tổng Giám đốc



Mai Hữu Tín

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700530696 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/8/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 26/04/2017 do Phòng Đăng ký Kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã chứng khoán là TTF kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE cấp ngày 01 tháng 02 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, chế biến, kinh doanh đồ gỗ nội thất và ngoại thất như bàn, ghế, giường, tủ và các sản phẩm khác; trồng rừng và xây dựng các công trình dân dụng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng. Ngoại trừ hoạt động trồng rừng có chu kỳ sản xuất, kinh doanh dự kiến từ 10 đến 12 năm.

Trụ sở chính: đường ĐT 747, khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

### II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính; và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành 04 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành 06 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành 06 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành 06 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành 04 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, Báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### 2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

#### 3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập Báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

#### 4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam "VND".

### III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |
|--|---|
| Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ                | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và thành phẩm | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### 4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 5. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê, tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 7. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20 năm
Máy móc thiết bị	04 – 10 năm
Phương tiện vận tải	06 – 14 năm
Dụng cụ quản lý	03 – 06 năm
Phần mềm tin học	03 – 10 năm
Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn thuê

#### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc sửa chữa văn phòng, nhà xưởng, mua sắm máy móc, thiết bị của Công ty mà chưa được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### 9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

#### 10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất. Khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

## 11. Các khoản đầu tư

### *Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### *Đầu tư vào công ty liên doanh*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### *Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

### *Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 (“Thông tư 89”). Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

## 12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

## 13. Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của chín tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

#### 14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

*Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:*

Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán; và

Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;

*Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:*

Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và

Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

#### 15. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 16. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

#### 17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu hợp đồng thi công lắp đặt*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng thi công lắp đặt có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và xuất hóa đơn vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng/giảm khối lượng lắp đặt, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã thống nhất với khách hàng và được khách hàng xác nhận và xuất hóa đơn tài chính.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng lắp đặt không thể ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Giá vốn công trình được ghi nhận dựa theo tỷ lệ khối lượng công việc hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tỷ lệ lãi gộp công trình dự tính. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm theo dõi, cập nhật và điều chỉnh tỷ lệ lãi gộp định kỳ.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

**18. Thuế**

*Chi phí thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Chi phí thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH – QUÍ IV NĂM 2017

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1,301,798,959	229,894,870
Tiền gửi ngân hàng	40,969,869,458	103,620,827,499
Các khoản tương đương tiền (*)	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>42,271,668,417</u></b>	<b><u>103,850,722,369</u></b>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	109,801,189,482	109,801,189,482	752,831,791	752,831,791
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>109,801,189,482</u></b>	<b><u>109,801,189,482</u></b>	<b><u>752,831,791</u></b>	<b><u>752,831,791</u></b>

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới một năm và hưởng lãi suất dao động từ 4.5% đến 6.9% / năm.

3. Phải thu của khách hàng

a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh VI.1)	90,997,617,609	141,781,693,575
Phải thu từ các bên khác	602,538,199,728	627,997,717,295
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>693,535,817,337</u></b>	<b><u>769,779,410,870</u></b>

(\*) Chi tiết phải thu các bên khác như sau :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- ASL	78,468,721,746	78,468,721,746
- GME	64,412,396,359	64,412,110,111
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Hoàng Nam	84,611,869,162	84,611,869,162
- Khác	375,045,212,461	400,505,016,276

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (97,966,829,218) (104,155,277,652)

b. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh VI.1)	12,839,021,316	-
Trả trước cho các bên khác	83,733,932,542	75,722,684,363
- Công ty TNHH Lâm Nghiệp Phương Mai	24,874,230,764	24,874,230,764
- Công ty TNHH MTV Thương Mại Giấy Hưng Thịnh	12,285,318,830	12,285,318,830
- Các nhà cung cấp khác	46,574,382,948	38,563,134,769
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>96,572,953,858</u></b>	<b><u>75,722,684,363</u></b>

**Dài hạn**

Các nhà cung cấp khác	-	669,883,784
<b>Tổng cộng</b>	<b>=</b>	<b><u>669,883,784</u></b>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH – QUÍ IV NĂM 2017

**Dự phòng các khoản trả trước khó đòi**

Ngắn hạn	(14,826,124,408)	(14,156,240,624)
Dài hạn	-	(669,883,784)
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>(14,826,124,408)</u></b>	<b><u>(14,826,124,408)</u></b>

**4. Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi bao gồm các khoản phải thu khách hàng khó đòi, các khoản trả trước khó đòi, các khoản phải thu về cho vay khó đòi và các khoản phải thu khác khó đòi. Chi tiết tình hình tăng giảm phải thu khó đòi như sau:

Số cuối kỳ

<b>Ngắn hạn</b>	
Số đầu năm	(121,321,894,749)
Tăng do trích trong năm	-
Hoàn nhập trong năm	(6,188,448,434)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>(115,133,446,315)</u></b>

**5. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về từ khách hàng theo tiến độ HỖXD	228,607,369,225	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>228,607,369,225</u></b>	<b><u>-</u></b>

**6. Phải thu về cho vay**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải thu về cho các bên liên quan vay (Thuyết minh VI.1)	239,637,588,528	240,690,756,028
Phải thu về cho các bên khác vay	70,528,118,960	16,998,156,923
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>310,165,707,488</u></b>	<b><u>257,688,912,951</u></b>

**Dài hạn**

Phải thu về cho các bên liên quan vay	37,472,934,000	34,491,840,000
- Công ty TNHH Trồng Rừng TRường Thành Oji	37,472,934,000	34,491,840,000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>37,472,934,000</u></b>	<b><u>34,491,840,000</u></b>

**7. Phải thu khác**

**7.1. Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khác bên liên quan (Thuyết minh VI.1)	109,552,357,410	108,915,877,846
Cho vay không lãi suất	5,412,552,131	3,526,446,158
Tạm ứng cho nhân viên	13,595,432,112	3,426,768,960
Phải thu khác	20,915,839,514	9,359,438,362
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>149,476,181,167</u></b>	<b><u>125,228,531,326</u></b>

Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(2,340,492,689)	(2,340,492,689)
---	-----------------	-----------------

**7.2. Dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu dài hạn khác	874,504,240	909,839,296
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>874,504,240</u></b>	<b><u>909,839,296</u></b>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH – QUÍ IV NĂM 2017

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	12,680,838,957	-
Nguyên liệu, vật liệu	649,156,265,519	(46,232,735,938)	656,409,652,497	(46,232,735,938)
Vật liệu phụ	15,098,434,108	(516,476,264)	21,247,232,648	(516,476,264)
Công cụ dụng cụ	1,976,348,938	-	1,291,320,832	-
Chi phí SXKD DD	237,893,510,604	(13,230,539,353)	392,152,800,196	(23,717,007,119)
- CP dở dang hàng sản xuất	55,157,612,168	(1,730,539,353)	119,175,881,055	(1,730,539,353)
- CP dở dang công trình lắp đặt	88,676,476,623	-	182,343,520,021	(10,486,467,766)
- Chi phí trồng rừng huyện Krông Pak, Daklak	60,559,421,813	-	57,133,399,120	-
- Bất động sản (*)	33,500,000,000	(11,500,000,000)	33,500,000,000	(11,500,000,000)
Thành phẩm	128,806,452,989	(4,730,277,756)	121,704,809,009	(4,730,277,756)
Hàng hoá	33,558,499,740	(1,390,386,764)	16,670,460,395	(1,390,386,764)
Hàng gửi đi bán	310,790,447	-	6,502,466,513	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,066,800,302,345</b>	<b>(66,100,416,075)</b>	<b>1,228,659,581,047</b>	<b>(76,586,883,841)</b>

Theo Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ngày 07 tháng 1 năm 2008, Công ty nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất của các thửa đất số 77, 78A, 79A và 80A có tổng diện tích là 10,320m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Đông Chiêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương từ ông Phạm Hoài Nam với tổng giá trị là 33,500,000,000 VND. Sau đó Công ty ký kết thỏa thuận chi phí bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất số 01-2014/TTBT-TTF với Công ty cổ phần Địa ốc Đại Á (“Địa ốc Đại Á”) ngày 19 tháng 7 năm 2014. Công ty nhận tiền bồi thường liên quan đến các thửa đất này với giá trị là 22,000,000,000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các thủ tục liên quan đến việc nhận chuyển nhượng từ ông Phạm Hoài Nam và chuyển nhượng lại cho Địa ốc Đại Á vẫn chưa được Công ty hoàn thành.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Số cuối kỳ
Số đầu năm	(76,586,883,841)
Số trích lập trong năm	-
Số hoàn nhập trong năm	(10,486,467,767)
Số cuối kỳ	(66,100,416,074)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH – QUÍ IV NĂM 2017**

**9. Tài sản cố định hữu hình**

<u>Nguyên giá</u>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Số đầu năm</b>	279,757,352,292	220,120,277,649	18,551,655,466	13,186,313,823	531,615,599,230
Mua trong năm	1,415,840,874	6,495,405,338	1,181,010,909	69,502,000	9,161,759,121
Đầu tư XDCB hoàn thành	6,461,475,558	285,283,424	-	-	6,746,758,982
Thanh lý	-	-	(1,536,022,680)	-	(1,536,022,680)
Xóa sổ	-	-	-	-	-
Giảm khác	(107,512,313)	-	-	-	(107,512,313)
<b>Số cuối năm</b>	287,527,156,411	226,900,966,411	18,196,643,695	13,255,815,823	545,880,582,340
<b>Trong đó</b>					
Đã khấu hao hết	1,157,581,411	13,499,643,939	3,471,290,497	1,747,654,085	19,876,169,932
<u>Giá trị khấu hao lũy kế</u>					
<b>Số đầu năm</b>	(54,910,334,698)	(88,731,956,326)	(11,876,447,662)	(2,104,025,231)	(157,622,763,917)
Khấu hao trong kỳ	(12,583,665,529)	(14,121,856,580)	(1,642,569,607)	(1,475,355,184)	(29,823,446,900)
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1,507,885,447)	-	(1,507,885,447)
Giảm khác	-	(16,584,029)	-	-	(16,584,029)
<b>Số cuối năm</b>	(67,494,000,227)	(102,870,396,935)	(15,026,902,716)	(3,579,380,415)	(185,921,741,341)
<u>Giá trị còn lại</u>					
<b>Số đầu năm</b>	224,847,017,594	131,388,321,323	6,675,207,804	11,082,288,592	373,992,835,313
<b>Số cuối năm</b>	220,033,156,184	124,030,569,476	3,169,740,979	9,676,435,408	359,958,840,999

Báo cáo tài chính riêng

## 10. Tài sản cố định vô hình

	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b><u>Nguyên giá</u></b>			
Số đầu năm	5,958,614,295	157,259,011	6,115,873,306
Tăng trong năm	124,330,000	-	124,330,000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	6,082,944,295	157,259,011	6,240,203,306
Trong đó			
Đã khấu hao hết	724,529,774	-	724,529,774
<b><u>Giá trị hao mòn lũy kế</u></b>			
Số đầu năm	(2,649,924,055)	(157,259,011)	(2,807,183,066)
Tăng trong năm	(313,509,374)	-	(313,509,374)
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	(2,963,433,429)	(157,259,011)	(3,120,692,440)
<b><u>Giá trị còn lại</u></b>			
Số đầu năm	3,308,690,240	=	3,308,690,240
Số cuối năm	3,119,510,866	=	3,119,510,866

## 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua sắm MMTB	30,958,733,078	30,105,857,243
Xây dựng nhà kho, nhà trung bày	11,267,482,405	16,990,103,641
<b><u>Tổng cộng</u></b>	<b><u>42,226,215,483</u></b>	<b><u>47,095,960,884</u></b>

## 12. Chi phí trả trước

## Ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	89,773,000	2,040,301,077
Công cụ dụng cụ	3,025,613,642	1,370,811,500
Khác	726,516,967	316,713,661
<b><u>Tổng cộng</u></b>	<b><u>3,841,903,609</u></b>	<b><u>3,727,826,238</u></b>

## Dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê đất	69,634,310,349	71,657,928,210
Công cụ dụng cụ	7,073,323,752	15,570,613,064
Khác	382,868,901	621,673,579
<b><u>Tổng cộng</u></b>	<b><u>77,090,503,002</u></b>	<b><u>87,850,214,853</u></b>

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

13.1. Đầu tư vào Công ty con

<b>Công ty con</b>	<b>Số cuối kỳ</b>			<b>Số đầu năm</b>		
	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Cty CP Lâm Nghiệp Trường Thành (TTLN)	99.97	59,564,847,684	12,491,401,699	99.97	59,564,847,684	20,476,637,367
Cty CP Trường Thành Xanh (TTG)	99.19	53,347,393,305	19,738,722,331	99.19	53,347,393,305	20,959,129,746
Cty CP Trồng Rừng Trường Thành (TTP)	79.89	26,809,360,000	7,623,871,427	79.89	26,809,360,000	8,792,409,076
Cty CP Trường Thành (TTDL1)	70.00	21,000,000,000	21,000,000,000	70.00	21,000,000,000	21,000,000,000
Cty CP Chế Biến Gỗ Trường Thành (TTDL2)	70.00	19,600,000,000	19,600,000,000	70.00	19,600,000,000	10,693,123,512
Cty CP Lâm Nghiệp Trường Thành Đắk Nông	99.44	1,777,000,000	1,777,000,000	99.44	1,777,000,000	1,777,000,000
Cty CP Công Nghiệp Gỗ Trường Thành (TTI)	-	-	-	68.52	12,571,430,000	-
Cty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (TTTT)	97.50	12,480,000,000	6,455,684,885	97.50	12,480,000,000	6,613,949,342
Cty CP CB Gỗ Trường Thành Madrak	90.25	9,885,456,454	9,885,456,454	90.25	9,885,456,454	8,526,724,278
Cty CP Quản Lý Cụm CN Trường Thành	97.30	5,400,000,000	4,750,570,270	97.30	5,400,000,000	1,889,161,486
Cty CP XNK Trường Thành Dak Nông	94.75	18,950,000,000	-	94.75	18,950,000,000	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>228,814,057,443</b>	<b>103,322,707,066</b>		<b>241,385,487,443</b>	<b>100,728,134,807</b>

13.2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

<b>Công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>			<b>Số đầu năm</b>		
	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành Oji	51.00	94,930,473,000	4,861,353,882	51.00	94,930,473,000	7,147,426,991
Công ty CP Phú Hữu Gia Cty CP Nông Lâm Nghiệp Trường Thành	26.74	52,680,000,000	1,716,771,452	26.74	52,680,000,000	2,051,774,306
Cty CP Bao Bì Trường Thành	25.72	23,525,000,000	1,930,276,559	25.72	23,525,000,000	1,574,105,098
	43.76	2,000,000,000	1,457,792,044	43.76	2,000,000,000	1,340,537,524
<b>Tổng cộng</b>		<b>173,135,473,000</b>	<b>9,966,193,936</b>		<b>173,135,473,000</b>	<b>12,113,843,919</b>

(\*): Đầu tư vào Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI chiếm 51% vốn điều lệ (7,018,000 USD). Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI được thành lập trên cơ sở liên doanh giữa Công ty và Công ty giấy OJI (Nhật Bản). Theo đó, Công ty đã góp 4,526,520 USD (trong đó bao gồm 170,400 USD bằng tiền, 3,408,600 USD bằng quyền phát triển trên diện tích đất rừng dự kiến là 17,043 ha thuộc địa bàn tỉnh Phú Yên trên cơ sở xác định giá trị bằng thỏa

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH – QUÍ IV NĂM 2017**

thuận giữa 02 bên và giá trị 1,579.20 ha rừng trồng trị giá 19,732,104,000 VND tương đương 947,520 USD). Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 361022000032 ngày 14/10/2011 bởi UBND tỉnh Phú Yên và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ 2 ngày 25/01/2014.

**13.3. Đầu tư vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Lidovit	279,784,766	-	279,784,766	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>279,784,766</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>279,784,766</u></b>	<b><u>-</u></b>

**14. Phải trả người bán**

**14.1. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh VI.1)	35,424,789,460	71,302,800,007
Phải trả cho các bên khác	171,789,492,454	157,486,374,118
- Công ty TNHH TM & XD DLC	-	31,799,689,004
- Công ty CP Đầu Tư & XD Nông Lâm Nghiệp Trường Sơn	22,221,978,583	22,221,978,583
- Công ty CP Vũ Tuấn	290,611,600	290,611,600
- Phải trả nhà cung cấp khác	149,276,902,271	103,174,094,931
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>207,214,281,914</u></b>	<b><u>228,789,174,125</u></b>

**14.2. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước từ các bên liên quan (Thuyết minh VI.1)	-	26,144,056,283
Trả trước từ các bên khác	1,200,478,831,650	153,343,908,867
- Công ty CP Địa Ốc Đại Á	22,000,000,000	22,000,000,000
- Công ty CP Khách Sạn & DL Thiên Thai	1,599,984,807	5,329,154,892
- Yekun Corporation	10,186,497,085	5,008,781,780
- Tập đoàn Vingroup	1,162,674,850,833	-
- Khách hàng khác	4,017,498,925	121,005,972,195
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1,200,478,831,650</u></b>	<b><u>179,487,965,150</u></b>

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, Công ty cùng Tập Đoàn Vingroup và Công ty Tân Liên Phát đã ký thoả thuận thanh lý các khoản vay và thoả thuận đặt cọc. Trong đó toàn bộ dư nợ các khoản vay tại thời điểm ký thoả thuận là 1,062,336,527,786 VND và lãi vay 37,976,830,962 VND được chuyển thành khoản đặt cọc tiền hàng của Công ty Tân Liên Phát và Tập đoàn Vingroup.

**15. Thuế**

**15.1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	13,567,180,309	92,576,116,740	97,127,204,197	9,016,092,852
Thuế TNDN	8,326,411,344	-	-	8,326,411,344
Thuế TNCN	4,068,784,536	4,676,664,913	4,680,470,836	4,064,978,613
Thuế khác	691,942,523	3,000,000	3,000,000	691,942,523
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>26,654,318,712</u></b>	<b><u>4,679,664,913</u></b>	<b><u>101,810,675,033</u></b>	<b><u>22,099,425,332</u></b>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH – QUÍ IV NĂM 2017

15.2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT còn được khấu trừ	52,605,169,094	65,693,314,915	92,533,204,883	25,765,279,126
Thuế nhập khẩu	2,469,777,715	895,588,475	33,753,285	3,331,612,905
<b>Tổng cộng</b>	<b>55,074,946,809</b>	<b>66,588,903,390</b>	<b>92,566,958,168</b>	<b>29,096,892,031</b>

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh VI.1)	-	8,977,297,601
Lãi vay	146,071,927,269	91,278,805,245
Khác	78,262,234,765	3,503,107,657
<b>Tổng cộng</b>	<b>224,334,162,034</b>	<b>103,759,210,503</b>

17. Chi phí phải trả khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh VI.1)	1,389,634,422	26,343,175,500
Lãi chậm nộp	26,746,099,680	36,106,155,112
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	4,317,345,299	21,345,502,774
Kinh phí công đoàn	874,556,183	1,040,637,383
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	1,283,755,804
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	723,350,000	476,000,000
Vay tiền không lãi suất	-	255,301,560
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16,999,469,887	13,351,591,267
<b>Tổng cộng</b>	<b>51,050,455,471</b>	<b>100,202,119,400</b>

18. Vay

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngân hàng (Thuyết minh 18.1)	827,238,294,064	-	553,635,514,855	273,602,779,209
Vay tổ chức, cá nhân (Thuyết minh 18.2 & 18.3)	1,667,725,527,786	462,000,000,000	1,627,725,527,786	502,000,000,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2,494,963,821,850</b>	<b>462,000,000,000</b>	<b>2,181,361,042,641</b>	<b>775,602,779,209</b>

18.1. Vay ngắn hạn ngân hàng

a. Ngân hàng Đông Á – chi nhánh Bình Dương

	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Hợp đồng số H0367/1N ngày 25/6/2015	124,292,700,000	Từ 27/7/2016 đến 23/9/2016	8.5	12,859m <sup>3</sup> gỗ nguyên liệu các loại và thành phẩm của Công ty. trong trung lai



## b. Vay Ngân hàng Việt Á – chi nhánh Bình Dương

	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
HĐ số 210-2/16/VAB/HDNHDN ngày 29/12/15	149,310,079,208	Từ 04/12/16 đến 14/03/17	10-11	Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng số 01/15IN/TTF-ASH, TTF- RC/150112, 1009/16IN/TTF-LL, và 0103/2016IN/TTF-FGG và hàng hóa, nguyên vật liệu, sản phẩm dở đang và thành phẩm hình thành trong tương lai

## 18.2. Vay tổ chức, cá nhân khác ngắn hạn

	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty CP Trường Thành Xanh	2,000,000,000	Ngày 12/09/2017	5.00	Không

## 18.3. Vay tổ chức, cá nhân khác dài hạn

	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Bùi Hồng Minh	500,000,000,000	Ngày 21/12/2021	6.50	Không

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH – QUÍ IV NĂM 2017**

19. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu									
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
<b>Ngày 01/01/2016</b>									
<b>Số đầu năm</b>	<b>1.400.939.400.000</b>	<b>51.798.842.848</b>	<b>6.743.618.619</b>	<b>(4.640.000)</b>	<b>16.176.475.297</b>	<b>=</b>	<b>(151.422.996.026)</b>	<b>1.324.230.700.738</b>	
Phát hành thêm cổ phiếu	45,139,000,000	-	-	-	-	-	-	45,139,000,000	
Tăng do sáp nhập	-	-	-	(548,325,000)	-	-	-	(548,325,000)	
Tăng vay chuyển đổi	-	-	5,208,401,000	-	-	-	-	5,208,401,000	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	
Chuyển đổi khoản vay trái phiếu	-	11,952,019,619	(11,952,019,619)	-	-	-	-	-	
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(1,275,586,231,739)	(1,275,586,231,739)	
<b>Ngày 31/12/2016</b>	<b>1.446.078.400.000</b>	<b>63.750.862.467</b>	<b>=</b>	<b>(552.965.000)</b>	<b>16.176.475.297</b>	<b>=</b>	<b>(1.427.009.227.765)</b>	<b>98.443.544.999</b>	
<b>Ngày 01/01/2017</b>									
<b>Số đầu năm</b>	<b>1.446.078.400.000</b>	<b>63.750.862.467</b>	<b>=</b>	<b>(552.965.000)</b>	<b>16.176.475.297</b>	<b>=</b>	<b>(1.427.009.227.765)</b>	<b>98.443.544.999</b>	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	47,821,724,641	47,821,724,641	
Tăng do phát hành thêm cổ phiếu	700,000,000,000	-	-	-	-	-	-	700,000,000,000	
Mua lại cổ phần của cổ đông không kiểm soát tại công ty	-	-	-	-	-	-	-	-	
Tăng vay chuyển đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	
Giảm khác	-	(143,000,000)	-	-	-	-	(544,500,000)	(687,500,000)	
<b>Ngày 31/12/2017</b>	<b>2.146.078.400.000</b>	<b>63.607.862.467</b>	<b>=</b>	<b>(552.965.000)</b>	<b>16.176.475.297</b>	<b>=</b>	<b>(1.379.732.003.124)</b>	<b>845.577.769.640</b>	

Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH - QUÍ IV 2017

20. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn		
- Cổ phiếu thường	214,607,840	144,607,840
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu mua lại		
- Cổ phiếu thường	(15,815)	(15,815)
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu thường	214,592,025	144,592,025
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 10,000 đồng/cổ phần. Mệnh giá thực tế đang lưu hành là 10,000 đồng/cổ phần.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 4/2017	Quý 4/2016
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, nguyên liệu và dịch vụ thi công lắp đặt	566,581,583,265	241,793,334,394
<b>Tổng cộng</b>	<b>566,581,583,265</b>	<b>241,793,334,394</b>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 4/2017	Quý 4/2016
Hàng bán bị trả lại	53,359,964	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>53,359,964</b>	<b>-</b>

3. Giá vốn hàng bán

	Quý 4/2017	Quý 4/2016
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm, nguyên liệu và DV thi công lắp đặt	454,841,361,806	287,750,437,464
<b>Tổng cộng</b>	<b>454,841,361,806</b>	<b>287,750,437,464</b>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4/2017	Quý 4/2016
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	9,135,036,694	9,389,645,118
Lãi chênh lệch tỷ giá	52,252,837	1,825,924,382
<b>Tổng cộng</b>	<b>9,187,289,531</b>	<b>11,215,569,500</b>

5. Chi phí hoạt động tài chính

	Quý 4/2017	Quý 4/2016
Chi phí lãi vay	54,688,726,425	56,846,796,239
Lãi vay được miễn giảm	(60,090,128,481)	-
Lỗ chuyển nhượng chứng khoán, chuyển nhượng vốn	1,257,143,000	-
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(9,582,166,309)	2,151,809,559
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1,686,864,373	59,616,960
Chi phí tài chính khác	280,676,258	1,933,121,988
<b>Tổng cộng</b>	<b>(11,758,884,734)</b>	<b>60,991,344,746</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH - QUÍ IV 2017

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý 4/2017	Quý 4/2016
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	-	-
<b>Lãi/(lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>32,134,684,174</b>	<b>(137,758,611,709)</b>
Chuyển lỗ	(32,134,684,174)	(137,758,611,709)
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	-	-

VI. THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ với bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối kỳ
Công ty CP Trường Thành (Daklak1)	Công ty con	Bán hàng	710,378,480
		Bán dịch vụ	30,000,000
		Mua hàng	(637,572,934)
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành M'Drak	Công ty con	Bán dịch vụ	20,000,000
		Lãi cho vay	195,346,666
Công ty CP Chế biến gỗ Trường Thành (Daklak2)	Công ty con	Bán hàng	562,496,294
		Bán dịch vụ	30,000,000
		Lãi cho vay	1,971,822,667
		Mua hàng	(17,756,326,703)
		Lãi cho vay	(24,444,443)
Công ty CP Trường Thành Xanh	Công ty con	Mua hàng	(62,580,000)
		Bán dịch vụ	10,000,000
		Bán dịch vụ	10,000,000
Công ty CP Bao bì Trường Thành	Công ty liên kết	Bán dịch vụ	15,000,000
Công ty CP TM XNK Trường Thành Đắk Nông	Công ty con	Lãi cho vay	869,499,868
		Bán dịch vụ	10,000,000
Cty CP Lâm Nghiệp Trường Thành Đắk Nông	Công ty con	Bán dịch vụ	10,000,000
Công ty CP Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	Công ty con	Bán dịch vụ	10,000,000
		Lãi cho vay	153,333,334
		Bán dịch vụ	10,000,000
Cty CP Lâm Nghiệp Trường Thành	Công ty con	Lãi cho vay	927,585,580
		Bán dịch vụ	10,000,000
		Mua hàng	(104,090,909)
Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Trường Thành	Công ty liên kết	Bán dịch vụ	10,000,000
Cty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI (TTO)	Công ty liên doanh	Bán dịch vụ	25,000,000
Cty CP VL XD Trường Thành Phước An (TTPA)	Công ty con	Bán dịch vụ	10,000,000
		Lãi cho vay	350,543,231
Cty CP Trồng Rừng Trường Thành (TTTR)	Công ty con	Bán dịch vụ	20,000,000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH - QUÍ IV 2017**

Cty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (TTTĐ)	Công ty con	Bán dịch vụ	10,000,000
Cty CP QL Cụm CN Trường Thành (TTDL3)	Công ty con	Bán dịch vụ	10,000,000

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

**Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cty CP Trường Thành (DAKLAK1)	Công ty con	Bán hàng	56,826,118,852	59,611,498,043
Cty CP Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2)	Công ty con	Bán hàng	4,571,753,413	7,182,329,517
Cty CP CBG Trường Thành M'ĐRĂK	Công ty con	Bán hàng	11,212,710,509	10,635,098,909
Cty CP Nông Lâm Nghiệp Trường Thành	Công ty con	Bán hàng	38,958,652	38,958,652
Cty CP VL XD Trường Thành Phước An (TTPA)	Công ty con	Bán hàng	1,592,246,302	1,592,246,302
Cty CP TM XNK Trường Thành Dak Nông	Công ty con	Bán hàng	16,560,023,727	42,557,345,879
Cty CP Lâm Nghiệp Trường Thành Đắk Nông	Công ty con	Bán hàng	195,806,154	195,806,154
Tập Đoàn Vingroup - Công Ty CP	Công ty mẹ của cổ đông lớn (từ ngày 30/11/2016 đến 31/3/2017)	Dịch vụ lắp đặt	-	1,500,043,560
Công ty CP ĐT XD Tân Liên Phát	Cổ đông lớn (từ ngày 30/11/2016 đến 31/3/2017)	Dịch vụ lắp đặt	-	18,468,366,559

**Tổng cộng**

**90,997,617,609    141,781,693,575**

**Trả trước cho người bán**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cty CP Trường Thành (DAKLAK1)	Công ty con	Mua hàng	11,836,519,368	-
Cty CP CBG Trường Thành M'ĐRĂK	Công ty con	Mua hàng	42,501,948	-
Cty CP TM XNK Trường Thành Dak Nông	Công ty con	Mua hàng	960,000,000	-
<b><u>Tổng cộng</u></b>			<b><u>12,839,021,316</u></b>	<b><u>=</u></b>

**Phải thu về cho vay**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b><u>Ngắn hạn</u></b>				
Cty CP Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	Công ty con	Cho vay	5,000,000,000	5,000,000,000
Cty CP Lâm Nghiệp Trường Thành (TTC)	Công ty con	Cho vay	10,334,312,395	36,214,312,395
Cty CP Trường Thành (DAKLAK1)	Công ty con	Cho vay	82,562,001,815	82,562,001,815
Cty CP CB Gỗ Trường Thành (Daklak 2)	Công ty con	Cho vay	86,929,000,000	67,929,000,000
Cty CP CBG Trường Thành M'ĐRĂK	Công ty con	Cho vay	6,370,000,000	6,370,000,000
Cty CP VLXD Trường Thành Phước An	Công ty con	Cho vay	9,506,757,500	9,506,757,500
Cty CP TM XNK Trường Thành Dak Nông	Công ty con	Cho vay	28,353,256,553	28,353,256,553
Cty CP Nông Lâm Nghiệp Trường Thành	Công ty LK	Cho vay	10,482,260,265	4,755,427,765
Cty CP Phú Hữu Gia	Công ty LK	Cho vay	100,000,000	-
<b><u>Tổng cộng</u></b>			<b><u>239,637,588,528</u></b>	<b><u>240,690,756,028</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH - QUÍ IV 2017**

**Dài hạn**

Cty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI	Công ty LD	Cho vay	37,472,934,000	34,491,840,000
<b><u>Tổng cộng</u></b>			<b><u>37,472,934,000</u></b>	<b><u>34,491,840,000</u></b>

**Phải thu ngắn hạn khác**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cty CP Trường Thành (DAKLAK1)	Công ty con	Cho mượn Lãi cho vay	104,273,100 18,540,646,105	23,978,191,747 9,757,894,219
Cty CP CBG Trường Thành M'DRĂK		Cho mượn Lãi cho vay	452,955,100 1,798,906,664	400,000,000 1,023,890,000
Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Trường Thành	Công ty LK	Lãi cho vay Cho mượn	1,002,099,652 41,955,100	76,970,062 -
Cty CP CBG Trường Thành (Daklak 2)	Công ty con	Cho mượn Lãi cho vay	54,597,456,810 16,921,824,443	54,599,296,810 9,155,212,779
Cty CP Lâm Nghiệp Trường Thành	Công ty con	Lãi cho vay Cho mượn	4,147,218,971 113,546,200	189,777,631 -
Cty CP Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	Công ty con	Lãi cho vay Cho mượn	1,223,333,338 51,955,100	615,000,002 -
Cty CP TM XNK Trường Thành Dak Nông	Công ty con	Cho mượn Lãi cho vay	85,873,740 4,946,872,226	3,716,202,815 1,497,226,009
Cty CP VL XD Trường Thành Phước An	Công ty con	Lãi cho vay Cho mượn	4,747,696,325 51,955,100	3,356,954,159 -
Cty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI	Công ty LD	Lãi cho vay Cho mượn	286,968,836 52,500,000	549,261,613 -
Cty CP Trường Thành Xanh	Công ty con	Cho mượn	103,546,200	-
Cty CP Bao Bì Trường Thành	Công ty LK	Cho mượn	51,955,100	-
Cty CP Lâm Nghiệp Trường Thành Đắk Nông	Công ty con	Cho mượn	62,273,100	-
Cty CP Trồng Rừng Trường Thành (TTTR)	Công ty con	Cho mượn	83,273,100	-
Cty CP QL Cụm CN Trường Thành (TTDL3)	Công ty LK	Cho mượn	21,000,000	-
Cty TNHH KNG Trường Thành (TTTTĐ)	Công ty con	Cho mượn	62,273,100	-
<b><u>Tổng cộng</u></b>			<b><u>109,552,357,410</u></b>	<b><u>108,915,877,846</u></b>

**Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tập Đoàn Vingroup - Công Ty CP	Công ty mẹ của cổ đông lớn (từ ngày 30/11/2016 đến 31/3/2017)	Dịch vụ lắp đặt		1,308,806,400
Công ty CP ĐT XD Tân Liên Phát	Cổ đông lớn (từ ngày 30/11/2016 đến 31/3/2017)	Dịch vụ lắp đặt		24,835,249,883
<b><u>Tổng cộng</u></b>				<b><u>26,144,056,283</u></b>

**Phải trả người bán ngắn hạn**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cty CP Lâm Nghiệp Trường Thành (TTC)	Công ty con	Mua hàng	149,571,000	-
Cty CP Trường Thành (DAKLAKI)	Công ty con	Mua hàng	-	2,090,306,828
Cty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI	Công ty con	Mua hàng	6,347,368,342	7,538,515,055
Cty CP TM XNK Trường Thành Dak Nông	Công ty con	Mua hàng	-	29,851,292,094
Cty CP Công Nghiệp gỗ Trường Thành (TTI)	Công ty con	Mua hàng	-	2,731,302,077
Cty CP Trường Thành Xanh	Công ty con	Mua hàng	22,281,570,117	22,136,910,117
Cty CP Bao Bì Trường Thành	Công ty LK	Mua hàng	1,830,935,076	2,156,982,086
Cty TNHH KNG Trường Thành (TTTD)	Công ty con	Mua hàng	4,796,256,750	4,797,491,750
Cty CP Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	Công ty con	Mua hàng	19,088,175	-
<b>Tổng cộng</b>			<b><u>35,424,789,460</u></b>	<b><u>71,302,800,007</u></b>

**Chi phí phải trả ngắn hạn**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cty CP Phú Hữu Gia	Công ty LK	Phải trả	-	664,574,237
<b>Tổng cộng</b>			<b><u>=</u></b>	<b><u>664,574,237</u></b>

**Phải trả ngắn hạn khác**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cty CP Trường Thành Xanh	Công ty con	Mượn	1,338,493,106	1,338,493,106
Cty CP Trường Thành (DAKLAKI)	Công ty con	Mượn	-	24,953,541,078
Cty CP CBG Trường Thành M'đrăk	Công ty con	Mượn	51,141,316	51,141,316
<b>Tổng cộng</b>			<b><u>1,389,634,422</u></b>	<b><u>26,343,175,500</u></b>

**2. Các cam kết**

**Cam kết bảo lãnh cho các khoản vay của bên khác**

Ngày 20 tháng 4 năm 2015, Công ty ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2015/HTKD/TTF-DLC với Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng DLC ("DLC") về việc cùng hợp tác kinh doanh hàng ngoại thất xuất khẩu theo hợp đồng số TTF-CPS-01/15OUT mà Công ty đã ký với Cost Plus Management Services vào ngày 10 tháng 4 năm 2015 với giá trị là 3,519,149.40 USD. Theo đó, Công ty và DLC thống nhất một số nội dung chủ yếu như sau:

- DLC góp bằng tiền là 66,389,721,197 VND và được phân chia mức lợi nhuận cố định là 5,000,000,000 VND.
- Công ty sẽ góp bằng công nghệ, thương hiệu và hợp đồng TTF-CPS-01/15OUT và được phân chia phần lợi nhuận còn lại sau khi đã trừ đi mức lợi nhuận cố định của DLC. Trường hợp việc hợp tác kinh doanh bị lỗi Công ty sẽ gánh chịu toàn bộ.
- Công ty cam kết không hủy ngang trong bất kỳ trường hợp nào về việc bảo lãnh tất cả các khoản vay của DLC tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á – chi nhánh Bình Dương ("Viet A Bank").

Ngoài ra, theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 13-15/BBH-HĐQT ngày 17 tháng 8 năm 2015, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc bảo lãnh tất cả các khoản vay của DLC tại Viet A Bank với giá trị tối đa là 420,000,000,000 VND. Cam kết này của Công ty cũng đã được thể hiện trong Văn bản số 20/2015/PTC-NH ngày 22 tháng 5 năm 2015 gửi tới Viet A Bank.

Ngày 5 tháng 8 năm 2016, Viet A Bank đã gửi thư mời đến Công ty để yêu cầu Công ty đưa ra phương án xử lý và giải quyết các vấn đề liên quan đến các khoản nợ vay đã quá hạn trong đó Viet A Bank đã đề cập đến khoản cho DLC vay với tổng số tiền gốc và lãi quá hạn lần lượt là 87,927,101,290 VND và 3,437,581,262 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty và Viet A Bank vẫn đang trong quá trình đàm phán các vấn đề liên quan đến các khoản nợ vay quá hạn và lãi quá hạn đã đề cập.



3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Người lập

  
Huỳnh Thị Mộng Diễm

Kế toán trưởng

  
Mai Thanh Bình

Bình Dương, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Tổng Giám đốc

